Phụ âm cuối

Vietnamese Last consonant

ベトナム語の末子音

発音練習

Phát âm của phụ nữ việt nam tại hà nội

Pronunciation by Vietnamese women in Hanoi

ハノイのベトナム人女性の発音



これは、ベトナム語の末子音（まっしいん）の発音練習ビデオです。

ベトナム語の末子音は母音（ぼいん）の後に続きます。

つづりはご覧の通りです。

文字はアルファベットですが発音は英語の発音と異なるものが多いので、そのまま理屈なしにベトナム語の発音を覚える必要があります。

口の開け方を見て、声を出して繰り返し練習してください。

（この動画では末子音p, m, n は取り上げていない。）

Types of final consonants

t

ch

nh

c

oc

ôc

uc

ng

ong

ông

ung

…………………………………

t　[t̚]

bát　bowl　茶碗

giặt　wash　洗濯する

ch　[c̚]

gạch　brick　レンガ

sạch　clean　清潔な

nh　[ɲ]

anh　 brother　兄

đánh　hit　たたく

c　[k̚]

chắc　sure　たしかな

ức　breast　胸

oc　[k̚p̚]

thóc　paddy　もみ

học　learn　学ぶ

ôc　[k̚p̚]

độc　poison　意地悪な

thuốc　medicine　薬

uc　[k̚p̚]

chúc　wish　祈る

Úc　Australia　オーストラリア

ng　[ŋ]

cũng　even　～も

làng　village　村

ong　[ŋm]

lòng　soul　精神

phong　feudarory　封建

ông　[ŋm]

giống　like　似ている

sông　river　川

ung　[ŋm]

khung　franes　わく

ấm cúng　warm　あたたかい

…………………………………